

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM
Số: 16/2019/QĐST-KDTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp. Kon Tum, ngày 11 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) C.

Địa chỉ: Số N, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Anh T- chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh K.

Địa chỉ: Số M, đường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N.

Cùng địa chỉ: Số B, đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N phải trả cho Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh K số tiền tổng cộng là 759.800.479 đồng (*Bảy trăm năm mươi chín triệu, tám trăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó tiền gốc là 680.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi là 79.800.479 đồng (*Bảy mươi chín triệu, tám trăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng*), ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thoả thuận trong hợp đồng kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi trả nợ xong.

Khi ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N trả đủ số tiền phải trả, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh K phải trả cho ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BX 296730, ngày 29/6/2015 mang tên ông Trần Khánh V và 01 bản gốc Giấy đăng ký xe ô tô số 000634 do Phòng cảnh sát giao thông Công an

tỉnh Kon Tum cấp ngày 16/01/2009 mang tên ông Trần Khánh V. Nếu ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N không trả đủ số tiền phải trả thì quyền sử dụng đất đã được cấp theo giấy chứng nhận nêu trên và xe ô tô biển số 82A – 028.68 sẽ được phát mãi để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nợ mà ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N không thi hành đủ khoản tiền phải trả thì ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký giữa các đương sự, thời gian tính lãi tính từ ngày 12/10/2019 cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N phải chịu 17.196.009 đồng (*Mười bảy triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm lẻ chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền 16.789.538 đồng (*Mười sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0001823 ngày 21-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Mai N phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C- Chi nhánh K số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP K;
- Các đương sự.
- Chi cục Thi hành án TP K;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung

